

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH X**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2023
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thúy Phương

Bà Ché Thị Hồng Cẩm

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Châu Pho Ly, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc " *Tranh chấp ly hôn* " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Q, sinh năm 1992 ; nơi cư trú: đường Điện Biên Phủ, tổ 1, khóm 3, thị trấn Tri Tôn, huyện N, tỉnh X. (có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1988; nơi cư trú: đường Điện Biên Phủ, tổ 1, khóm 3, thị trấn Tri Tôn, huyện N, tỉnh X. (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ghi ngày 17 tháng 3 năm 2023 và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Bà Hồ Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Bà Q và Ông T được xác lập năm 2009, trên cơ sở tự nguyện không đăng ký kết hôn. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, Ông T không quan tâm đến gia đình, nhiều lần uống rượu về có những lời lẽ xúc phạm Bà Q, dù đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng Ông T vẫn

không sửa đổi, nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn Bà Q xin ly hôn với Ông T.

Về con chung: Có 03 đứa con chung, tên Trần Đăng Khoa, sinh ngày 09/4/2010; Trần Đăng Khôi, sinh ngày 12/10/2012; Trần Thị Kim Ngân, sinh ngày 03/7/2019. Sau khi ly hôn Bà Q yêu cầu được nuôi 02 con chung Trần Đăng Khôi và Trần Thị Kim Ngân, Bà Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; đối với Trần Đăng Khoa, sinh ngày 09/4/2010 Bà Q đồng ý giao cho Ông T chăm sóc, nuôi dưỡng, Bà Q không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ông Trần Văn T trình bày: Thống nhất với Bà Q về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cảm thấy không thể chung sống với nhau được nữa, vợ chồng không còn tình cảm. Nay Bà Hồ Thị Q yêu cầu ly hôn, Ông T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 đứa con chung, tên Trần Đăng Khoa, sinh ngày 09/4/2010; Trần Đăng Khôi, sinh ngày 12/10/2012; Trần Thị Kim Ngân, sinh ngày 03/7/2019. Sau khi ly hôn Ông T đồng ý giao cho Bà Q chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Trần Đăng Khôi và Trần Thị Kim Ngân, Ông T không cấp dưỡng, Ông T yêu cầu được nuôi con chung Trần Đăng Khoa, sinh ngày 09/4/2010, không yêu cầu Bà Q cấp dưỡng nuôi con,

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về nội dung: Bà Q, Ông T chung sống nhau từ năm 2009, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14;

khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận Bà Q và Ông T là vợ chồng;

Về quan hệ con chung: Bà Q, Ông T thỏa thuận giao cháu Khôi và cháu Ngân cho Bà Q nuôi dưỡng, giao cháu Khoa cho Ông T nuôi dưỡng theo ý nguyện của cháu, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Ông Trần Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm 3, thị trấn Tri Tôn, huyện N, tỉnh X. Tòa án nhân dân huyện Nthụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Hồ Thị Q và Ông Trần Văn T chung sống với nhau từ năm 2009, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình cho nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Do đó, dù Bà Q và Ông T thuận tình ly hôn cũng không được công nhận, mà cần phải căn cứ theo Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận Bà Q và Ông T là vợ chồng.

Về con chung: Bà Q, Ông T thỏa thuận, giao cháu Trần Đăng Khôi, sinh ngày 12/10/2012; Trần Thị Kim Ngân, sinh ngày 03/7/2019 cho Bà Q nuôi dưỡng, giao cháu Trần Đăng Khoa, sinh ngày 09/4/2010 cho Ông T nuôi dưỡng, cả hai đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu Khoa hiện trên 07 tuổi, ý nguyện của cháu là sau khi ly hôn được sống với cha, cháu Khôi hiện trên 07 tuổi, ý nguyện

của cháu là sau khi ly hôn được sống với mẹ, nên sự thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa Bà Q, Ông T là tự nguyện, không trái pháp luật, nên được Hội đồng xét xử công nhận.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng Bà Q, Ông T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà Q, Ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà Hồ Thị Q khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định. Ông Trần Văn T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

Không công nhận Bà Hồ Thị Q và Ông Trần Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Bà Hồ Thị Q được nuôi hai con tên Trần Đăng Khôi, sinh ngày 12/10/2012 và Trần Thị Kim Ngân, sinh ngày 03/7/2019; ông Trần Văn T được nuôi con tên Trần Đăng Khoa, sinh ngày 09/4/2010.

Trong thời gian nuôi con, người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bà Hồ Thị Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009956 ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Bà Q đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Tòa án nhân dân tỉnh X;
- Lưu HS & VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Văn Hùng